**KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II TOÁN – LỚP 6 Q3 22-23**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | | | | | | | | **Tổng % điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | Chủ đề 1  Phân số  **(16 tiết+ 1GHK2)** | Phân số. Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số. | 1  (TN12)  0,25đ |  |  | 1  (TL3)  1,0đ |  |  |  |  | 2,0 |
| Các phép tính với phân số |  |  |  |  |  | 1  (TL1)  0,75đ |  |  |
| **2** | Chủ đề 2  Số thập phân  **(10 tiết + 1HK2)** | Số thập phân và các phép tính với  số thập phân. Tỉ số và tỉ số phần trăm | 1  (TN7)  0,25đ  1  (TN5)  0,25đ  1  (TN2)  0,25đ |  | 1  (TN8)  0,25đ  1  (TN4)  0,25đ |  |  | 1  (TL2)  0,75đ |  | 1  (TL7)  1,0đ | 3,0 |
| **3** | Chủ đề 3  Tính đối xứng của hình phẳng trong thế giới tự nhiên  **(7 tiết)** | Hình có trục đối xứng | 1  (TN10)  0,25đ |  |  |  |  |  |  |  | 0,25 |
| Hình có tâm đối xứng |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Vai trò của tính đối xứng trong tự nhiên |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **4** | Chủ đề 4  Các hình cơ bản  **(21tiết + 1GHK2 + 1HK2)** | Điểm. Đường thẳng. Tia | 1  (TN9)  0,25đ |  |  |  |  |  |  |  | 2,75 |
| Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng |  | 1  (TL4)  2,0đ |  |  |  |  |  |  |
| Góc. Các góc đặc biệt. Số đo góc | 1  (TN6)  0,25đ  1  (TN1)  0,25đ |  |  |  |  |  |  |  |
| **5** | Chủ đề 5  Một số yếu tốt xác suất  **(8tiết + 1HK2)** | Làm quen với một số mô hình xác suất đơn giản. Làm quen với việc mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản |  |  | 1  (TN11)  0,25đ  1  (TN3)  0,25đ | 1  (TL5)  1,0đ |  |  |  |  | 2,0 |
| Mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản |  |  |  |  |  | 1  (TL6)  0,5đ |  |  |
| **Tổng: Số câu**  **Điểm** | | | 8  2,0 | 1  2,0 | 4  1,0 | 2  2,0 | 0  0,0 | 3  2,0 | 0  0,0 | 1  1,0 | 10,0 |
| **Tỉ lệ %** | | | 40% | | 30% | | 20% | | 10% | | 100% |
| **Tỉ lệ chung** | | | **70%** | | | | **30%** | | | | 100% |

**KHUNG MA TRẬN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II TOÁN – LỚP 6 Q3 22-23**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/Chủ đề** | | **Mức độ đánh giá** |  | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **SỐ - ĐAI SỐ** | | | | | | | | |
| 1 | **Phân số** | Phân số. Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số | ***Nhận biết:***  – Nhận biết được phân số với tử số hoặc mẫu số là số nguyên âm.  – Nhận biết được khái niệm hai phân số bằng nhau và nhận biết được quy tắc bằng nhau của hai phân số.  – Nêu được hai tính chất cơ bản của phân số.  – Nhận biết được số đối của một phân số.  – Nhận biết được hỗn số dương. | 1TN  **(TN12)** |  |  |  |
| ***Thông hiểu:***  – So sánh được hai phân số cho trước. |  | 1TL  **(TL3)** |  |  |
| Các phép tính với phân số | ***Vận dụng:***  – Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với phân số.  – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với phân số trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).  – Tính được giá trị phân số của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phân số của số đó.  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với các phép tính về phân số (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí,...). |  |  | 1TL  **(TL1)** |  |
| 2 | **Số thập phân** | Số thập phân và các phép tính với số thập phân. Tỉ số và tỉ số phần trăm | ***Nhận biết:***  – Nhận biết được số thập phân âm, số đối của một số thập phân. | 3TN  **(TN7, 5, 1)** |  |  |  |
| ***Thông hiểu:***  – So sánh được hai số thập phân cho trước. |  | 2TN  **(TN8, 4)** |  |  |
| ***Vận dụng:***  – Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với số thập phân.  – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số thập phân trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).  – Thực hiện được ước lượng và làm tròn số thập phân.  – Tính được tỉ số và tỉ số phần trăm của hai đại lượng.  – Tính được giá trị phần trăm của một số cho trước, tính được một số biết giá trị phần trăm của số đó.  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với các phép tính về số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm (ví dụ: các bài toán liên quan đến lãi suất tín dụng, liên quan đến thành phần các chất trong Hoá học,...). |  |  | 1TL  **(TL2)** |  |
|  |  |  | ***Vận dụng cao:***  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)*** gắn với các phép tính về số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm. |  |  |  | 1TL  **(TL7)** |
| **HÌNH HỌC TRỰC QUAN** | | | | | | | | |
| 3 | Tính đối xứng của hình phẳng trong thế giới tự nhiên | Hình có trục đối xứng | **Nhận biết:**  – Nhận biết được trục đối xứng của một hình phẳng.  – Nhận biết được những hình phẳng trong tự nhiên có trục đối xứng (khi quan sát trên hình ảnh 2 chiều). | 1TN  **(TN12)** |  |  |  |
| Hình có tâm đối xứng. | **Nhận biết:**   * Nhận biết được tính đối xứng trong Toán học, tự nhiên, nghệ thuật, kiến trúc, công nghệ chế tạo,...   Nhận biết được vẻ đẹp của thế giới tự nhiên biểu hiện qua tính đối xứng (ví dụ: nhận biết vẻ đẹp của một số loài thực vật, động vật trong tự nhiên có tâm đối xứng hoặc có trục đối xứng). |  |  |  |  |
| Vai trò của đối xứng trong thế giới tự nhiên | **Nhận biết:**   * Nhận biết được tính đối xứng trong Toán học, tự nhiên, nghệ thuật, kiến trúc, công nghệ chế tạo,... * Nhận biết được vẻ đẹp của thế giới tự nhiên biểu hiện qua tính đối xứng (ví dụ: nhận biết vẻ đẹp của một số loài thực vật, động vật trong tự nhiên có tâm đối xứng hoặc có trục đối xứng). |  |  |  |  |
| **HÌNH HỌC PHẲNG** | | | | | | | | |
| 4 | **Các hình hình học cơ bản** | Điểm, đường thẳng, tia | **Nhận biết:**   * Nhận biết được những quan hệ cơ bản giữa điểm, đường thẳng: điểm thuộc đường thẳng, điểm không thuộc đường thẳng; tiên đề về đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt. * Nhận biết được khái niệm hai đường thẳng cắt nhau, song song. * Nhận biết được khái niệm ba điểm thẳng hàng, ba điểm không thẳng hàng. * Nhận biết được khái niệm điểm nằm giữa hai điểm. * Nhận biết được khái niệm tia. | 1TN  **(TN9)** |  |  |  |
| Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng. Trung điểm đoạn thẳng. | ***Nhận biết:***  –Nhận biết được khái niệm đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng. | 1TL  **(TL4)** |  |  |  |
|  |  | Góc. Các góc đặc biệt. Số đo góc | ***Nhận biết:***  – Nhận biết được khái niệm góc, điểm trong của góc (không đề cập đến góc lõm).  – Nhận biết được các góc đặc biệt (góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt).  – Nhận biết được khái niệm số đo góc. | 2TN  **(TN1,6)** |  |  |  |
| **MỘT SỐ YẾU TỐ THỐNG KÊ VÀ XÁC SUẤT** | | | | | | | | |
| 5 | Một số yếu tố xác suất | Làm quen với một số mô hình xác suất đơn giản. Làm quen với việc mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản | ***Nhận biết:***  Làm quen với mô hình xác suất trong một số trò chơi, thí nghiệm đơn giản (ví dụ: ở trò chơi tung đồng xu thì mô hình xác suất gồm hai khả năng ứng với mặt xuất hiện của đồng xu, ...). |  |  |  |  |
| ***Thông hiểu:***  – Làm quen với việc mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản. |  | 2TN  **(TN3, 11)**  1TL  **(TL5)** |  |  |
| Mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản | ***Vận dụng:***  – Sử dụng được phân số để mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần thông qua kiểm đếm số lần lặp lại của khả năng đó trong một số mô hình xác suất đơn giản. |  |  | 1 TL  **(TL6)** |  |
| **Tổng** | | |  | **4,0 điểm** | **3,0 điểm** | **2,0 điểm** | **1,0 điểm** |
| **Tỉ lệ %** | | |  | **40%** | **30%** | **20%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **70%** | | **30%** | |

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẬN 3  **TRƯỜNG TiH VÀ THCS TÂY ÚC**  **ĐỀ THAM KHẢO**  *(Đề có 04 trang)* | **ĐỀ THAM KHẢO CUỐI HỌC KỲ II**  **NĂM HỌC 2022 – 2023**  **MÔN: TOÁN – KHỐI 6**  **Thời gian làm bài:90 phút**  *(Không kể thời gian phát đề)* |

**Phần 1. Trắc nghiệm khách quan. *(3,0 điểm)*** Mỗi câu sau đây đều có 4 lựa chọn, trong đó chỉ có 1 phương án đúng**.** Hãy khoanh tròn vào phương án đúng trong mỗi câu dưới đây:

**Câu 1. [NB]** Góc tạo bởi hai tia và  gọi là:

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Câu 2. [NB] .** Chọn phát biểu sai trong các phát biểu sau:

**A.**  **B.** 

**C.**  **D.** 

**Câu 3. [TH]** Trong một hộp kín có một số quả bóng màu xanh, màu đỏ, màu tím, vàng .Trong một trò chơi, người chơi được lấy ngẫu nhiên mộ quả bóng , ghi lại màu rồi trả lại bóng vào thùng .Bình thực hiện 100 lần và được kết quả sau

|  |  |
| --- | --- |
| **Màu** | **Số lần** |
| Xanh | 43 |
| Đỏ | 22 |
| Tím | 18 |
| Vàng | 17 |

Hãy tìm xác suất của thực nghiệm của các sự kiện sau qủa bóng được lấy ra không là màu đỏ.

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

**Câu 4. [TH]** Có bao nhiêu số thập phân x có một chữ số sau dấu phẩy và thỏa mãn:

?

**A.** 4 số. **B.** 5 số. **C.** 6 số **D.** 7 số.

**Câu 5. [NB]** Số đối của  là:

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

**Câu 6.** **[NB]** Kể tên các góc ở hình sau:



**A.**  **B.** 

**C.**  **D.** 

**Câu 7. [NB]** Viết số thập phân  về dạng phân số ta được

**A.**  **B.** 

**C.**  **D.** 

**Câu 8. [TH]** Viết các số sau theo thứ tự giảm dần: 

**A.**  **B.** 

**C.**  **D.** 

**Câu 9**. **[NB]** **.** Đoạn thẳng là hình gồm

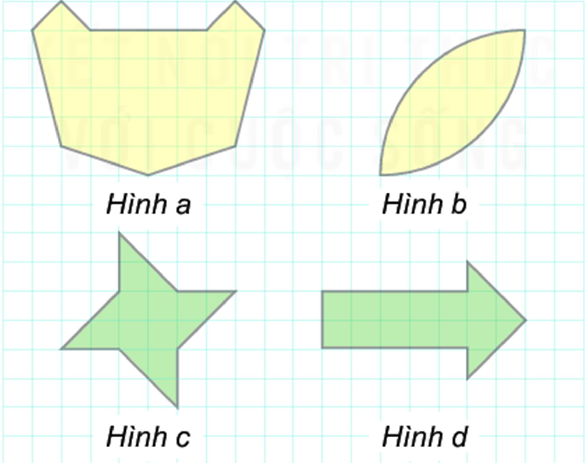
**A.** Hai điểm , .

**B.** Tất cả các điểm nằm giữa  và **.**

**C.** Điểm điểm  và tất cả các điểm nằm giữa , .

**D.** Điểm điểmvà một điểm nằm giữa  và.

**Câu 10. [NB]** Trong các hình sau, hình nào không có trục đối xứng?



**A.** Hình a **B.** Hình b. **C.** Hình c **D.** Hình d.

**Câu 11. [TH]** Tung hai đồng xu cân đối 50 lần ta được kết quả sau

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Sự kiện | Hai đồng sấp | Một đồng sấp một đồng ngửa | Hai đồng ngửa |
| Số lần | 10 | 24 | 16 |

Hãy tìm xác suất của thực nghiệm của sự kiện có một đồng xu sấp một đồng ngửa

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

**Câu 12. [NB]** Trong các phân số sau, phân số bằng với  là:

**A.**  **B.** . **C.**  **D.** .

**Phần 2: Tự luận (7,0 điểm)**

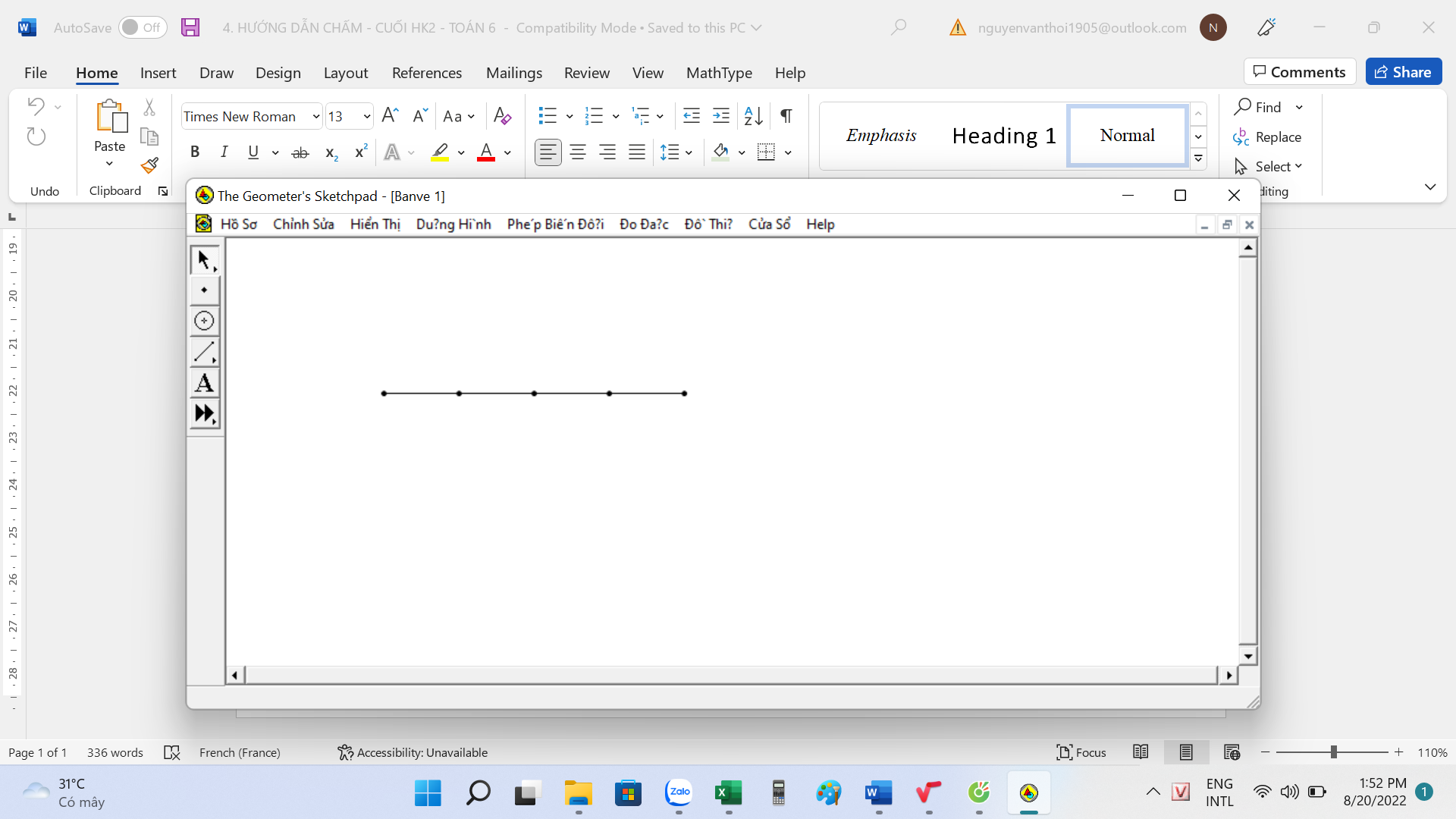
**Câu 1. (0,75 điểm)[VD]** Tính giá trị các biểu thức sau: 

**Câu 2.** **(0,75 điểm)[VD]** Nhiệt độ trung bình năm ở Bắc Cực là C, ở Nam Cực làC. Cho biết nhiệt độ trung bình năm ở nơi nào cao hơn và cao hơn bao nhiêu độ C?

**Câu 3:** ***(1,0 điểm)* [TH]** Số các giá trị  nguyên âm thỏa mãn ?

**Câu 4.** ***(2,0 điểm)*** Cho các điểm A, B, C, D, E có vị trí như hình vẽ. Biết rằng

AC = 2cm, AD = 2cm, AB = 4cm, DE = 2 cm



A

B

C

D

E

a) **[NB]** Hãy kể tên 4 đoạn thẳng khác nhau, trong đoạn thẳng đó có một đầu mút là C.

b) **[NB]** Điểm A là trung điểm của những đoạn thẳng nào?

**Câu 5.** **(1,0 điểm)**Gieo một con xúc xắc cân đối 6 mặt và đồng chất.

1. **[TH]**Tập hợp tất cả các kết quả có thể xảy ra khi tung hai đồng xu

**b) [TH]** Viết tập hợp các sự kiện sau

A: "Số chấm trờn mặt xuất hiện là số lẻ".

B: "Xuất hiện mặt có số chấm lớn hơn 4".

C: "Xuất hiện mặt có số chấm chia hết cho 3".

**Câu 6. [VD] (0,5 điểm)**Tổng hợp kết quả xét nghệm viên gan ở một phòng khám trong một năm ta được bảng sau***:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Quý | Số ca xét nghiệm | Số ca dương tính |
| I | 150 | 15 |
| II | 200 | 21 |
| II | 180 | 17 |
| IV | 220 | 24 |

Hãy tìm xác suất của thực nghiệm của các sự kiện một ca xét nghiệm có kết quả dương tính Theo từng quý trong năm.

**Câu 7:** **[VDC] (1,0 điểm)**Dân số của một thành phố là 2 triệu người. Nếu mỗi năm dân số tăng 1,1% thì sau 2 năm thì số dân của thành phố đó là ?

***Họ và tên thí sinh*: *. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . SBD*:*. . . . . . . . . .Phòng thi:. . . . . . . .***

**Cán bộ coi kiểm tra không giải thích gì thêm về đề.**

**Học sinh không được sử dụng tài liệu.**

**--------------------Hết-------------------**

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẬN 3  **TRƯỜNG TiH VÀ THCS TÂY ÚC**  **ĐỀ THAM KHẢO**  *(Đề có 04 trang)* | **KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II NĂM HỌC 2022 - 2023**  **ĐÁP ÁN & HƯỚNG DẪN CHẤM**  **Môn : Toán – Lớp: 6** |

**I.TRẮC NGHIỆM:** *(3,0 điểm) Mỗi phương án chọn đúng ghi 0,25 điểm.*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| **Đ/án** | C | A | A | C | C | B | B | A | D | C | B | B |

**II. TỰ LUẬN:** *(7,0 điểm)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Bài** | **Đáp án** | **Điểm** |
| 1  (0,75 đ) |  | 0,25đx3 |
| 2  (0,75 đ) | Ta có: nên nhiệt độ trung bình năm ở Bắc Cực cao hơn Nam Cực.  Nhiệt độ trung bình năm ở Bắc Cực cao hơn Nam Cực là:  Vậy Nhiệt độ trung bình năm ở Bắc Cực cao hơn Nam Cực và cao hơn C | 0,25đx3 |
| 3  (1,0đ) | Quy đồng mẫu số các phân số với mẫu số chung là 14, ta được:  .  Vì x là số nguyên âm nên các giá trị của x có thể là .  Vậy có tất cả 3 giá trị của x thỏa mãn. | 0,25đx4 |
| 4  (2,0đ) | A  B  C  D  E   1. Bốn đoạn thẳng khác nhau, trong đoạn thẳng đó có một đầu mút là C là: CB; CA; CD, CE. | 0,25đx4 |
| 1. Điểm A là trung điểm của đoạn thẳng: CD; BE | 0,5đx2 |
| 5  (1,0 đ) | 1. Tập hợp tất cả các kết quả có thể xảy ra | 0,25đ |
| * Xét sự kiện A: "Số chấm trên mặt xuất hiện là số lẻ" sẽ được mô tả bởi tập hợp:      * Xét sự kiện B: "Xuất hiện mặt có số chấm lớn hơn 4" sẽ được mô tả bởi tập hợp:      * Xét sự kiện C: "Xuất hiện mặt có số chấm chia hết cho 3" sẽ được mô tả bởi tập hợp: | 0,25đx3 |
| 6  (0,5đ) | * Trong quý 1: * Trong quý 2: * Trong quý 1: * Trong quý 1: | 0,25đx2 |
| 7  (1,0đ) | Sau một năm số dân thành phố là  2 000 000 + 2 000 000 x 1,1% = 2 000 000 + 22 000 = 2 022 000 (người)  Sau năm thứ hai dân số thành phố là  2 022 000 + 2 022 000 x 1,1% = 2 022 000 + 22 242 = 2 044 242 (người)  Vậy sau hai năm số dân thành phố sẽ là 2 044 242 người. | 0,5đx2 |